SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
THỊ XÃ BUÔN HỒ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 138 /TM-BV

Buôn Hồ, ngày 27 tháng 9 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị có chức năng thẩm định giá

Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ hiện đang có nhu cầu thuê đơn vị thẩm định giá xác định giá trị các mặt hàng Vật tư y tế. Bệnh viện kính mời các đơn vị có đủ điều kiện, năng lực thẩm định giá (danh sách hàng hóa chi tiết theo phụ lục đính kèm) quan tâm gửi bộ hồ sơ báo giá về bệnh viện, hồ sơ bao gồm:

1. Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá (Chi phí thẩm định giá bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí…(nếu có));

2. Hồ sơ năng lực (Hồ sơ pháp lý; Danh sách thẩm định viên về giá; Bảng kê năng lực kinh nghiệm thẩm định giá kèm theo tối thiểu 01 hợp đồng thẩm định giá hàng hóa tương tự).

Công ty có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bản scan hồ sơ qua email: tothaubvbh@gmail.com trước 16 giờ 00 phút ngày 03 tháng 10 năm 2024 và gửi bản chính cho Bệnh viện qua đường bưu điện, địa chỉ: 32 Nơ Trang Long, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website BV;
- Lưu: BMT, VT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Xuân Lộc

PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2024 MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ

Kèm theo Công văn số: 1317/TM-BV ngày 27/9/2024

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
Phần 1. Bơm tiêm, bông, băng, gạc, băng dính (20 mặt hàng)									
1	VT124P01001	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động 50ml	Bơm tiêm nhựa không kim, tiệt trùng, có đầu khóa vặn xoắn luer lock, có vòng kép để rút thuốc và tiêm thuốc. Dung tích bơm tiêm 50ml.	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml đầu xoắn	H120 H23	9018	Perfect Việt Nam	Cái	100
2	VT124P01002	Bơm tiêm sử dụng một lần 10 ml	Bơm tiêm liền kim dùng một lần, tiệt trùng. Dung tích bơm tiêm 10ml.	Bơm tiêm sử dụng một lần Vihankok (10ml)	BT10.VHK	9018	Tanaphar - Việt Nam	Cái	78,000
3	VT124P01003	Bơm tiêm sử dụng một lần 20 ml	Bơm tiêm liền kim dùng một lần, tiệt trùng. Dung tích bơm tiêm 20ml.	Bơm tiêm sử dụng một lần Vihankok (20ml)	BT20.VHK	9018	Tanaphar - Việt Nam	Cái	15,600
4	VT124P01004	Bơm tiêm sử dụng một lần 5 ml	Bơm tiêm liền kim dùng một lần, tiệt trùng. Dung tích bơm tiêm 5ml.	Bơm tiêm sử dụng một lần Vihankok (5ml)	BT5.VHK	9018	Tanaphar - Việt Nam	Cái	144,000
5	VT124P01005	Bơm tiêm cho ăn 50ml	Bơm tiêm 50ml/cc thích hợp cho việc cho ăn, được tiệt trùng bằng khí gas EO, đóng trong từng túi nilong riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng và vệ sinh.	Bơm cho ăn sử dụng một lần VIHANKOK 50ml/cc	BCA50.VHK	9018	Tanaphar - Việt Nam	Cái	200
6	VT124P01006	Băng bột bó 4 inches	Chất liệu: làm từ bột thạch cao, lớp gạc 100% cotton. Kích thước: 10cm x ≥ 4,5m	Băng cố định vết thương 10cm x 4.5m	GT092-100	3306	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd. - Trung Quốc	Cuộn	300
7	VT124P01007	Băng bột bó 6 inches	Chất liệu: làm từ bột thạch cao, lớp gạc 100% cotton. Kích thước: 15cm x ≥ 4,5m	Băng cố định vết thương 15cm x 4.5m	GT092-100	3306	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd. - Trung Quốc	Cuộn	400
8	VT124P01008	Băng cuộn 9cm x 2,5m	Kích thước: 9cm x 2,5m. Chất liệu: làm từ 100% sợi cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. Tiệt trùng.	Băng cuộn 9cm x 2,5m vô trùng	BC	3005	An Lành - Việt Nam	Cuộn	1,000

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
9	VT124P01009	Băng dán cá nhân	Tiệt trùng, kích cỡ, hộp ≥ 100 miếng	Elasgo 20mmx60mm	Elasgo 20mmx60mm	3005	Zhejiang Bangli Medical Products Co., Ltd - Trung	Hộp	72
10	VT124P01010	Gạc cố định kim luồn	Kính cỡ: 6cm x 7cm Gạc cố định kim luồn không thấm nước, có xẻ rãnh, có lớp màng polyurethane mỏng trong suốt, có lớp keo dính không gây dị ứng cho da, một đầu được thiết kế để bao quanh và giữ chặt ống thông kim luồn. Gạc trong suốt cho phép quan sát vị trí đặt ống đồng thời ngăn nhiễm bẩn bên ngoài, tiệt khuẩn bằng tia gamma, mỗi miếng được đựng trong bao	HETIS I.V DRESING – GẠC CỐ ĐỊNH KIM LUỒN		3005	LAVICHEM - Việt Nam	Miếng	10,600
11	VT124P01011	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	Chiều rộng ≥ 12mm, chiều dài ≥ 50m/cuộn	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	1322-12MM	3005	3M Canada Co. - Canada	Cuộn	20
12	VT124P01012	Băng thun 3 móc	Chất liệu: được làm từ sợi cotton hoặc polyester, kết hợp với sợi cao su thiên nhiên. Kích thước: 0,1m x 3m (chiều dài thực tế không tính co dãn)	Băng thun y tế 3 móc 10cm x 3m	BT	3005	An Lành - Việt Nam	Cuộn	2,000
13	VT124P01013	Bông không hút nước	Bông không thấm nước có màu trắng ngà của bông xơ tự nhiên, độ ẩm ≤ 8,0 % KL, hàm lượng tạp ≤ 1,0 % KL.	Bông y tế không thấm nước 1kg (bông mỡ vàng)	1900	3005	Bông Bạch Tuyết - Việt Nam	Kg	20
14	VT124P01014	Bông y tế hút nước	Bề mặt mịn màng, trơn láng, mật độ bông dày, khối bông dễ dàng tách thành nhiều lớp không bị	Bông y tế thấm nước 1kg	BHN	3005	An Lành - Việt Nam	Kg	140
15	VT124P01015	Gạc phẫu thuật tiệt trùng	Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô	GPTVT	3005	An Lành - Việt Nam	Miếng	2,000
16	VT124P01016	Gạc y tế không tiệt trùng	Khổ 0,8m. Trọng lượng ≥ 23g/m2 Thành phần: làm từ sợi 100% cotton, thấm hút cao, sợi trắng mịn, mềm mại, thoáng khí.	Gạc hút y tế khổ 0,8m	GH	3005	An Lành - Việt Nam	Mét	10,000
17	VT124P01017	Gạc y tế tiệt trùng	Kích thước 5cm x 6,5cm x 12 lớp, 10 miếng/gói	Gạc phẫu thuật 5cm x 6,5cm x 12 lớp vô trùng	GPTVT	3005	An Lành - Việt Nam	Gói	12,000
18	VT124P01018	Gạc vaselin	Kích thước: 7cm x 40cm. Gạc hút nước được tẩm vaselin tiệt trùng. Không để lại những sợi bông trên vết thương. Chất liệu vải tuyn bám trên bề mặt, không trượt hoặc rơi ra khỏi vết thương.	Gạc vaselin		3005	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng - Việt	Miếng	1,600

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
19	VT124P01019	Tăm bông lấy mẫu tiệt trùng	Ống nhựa PP, đầu bông, que gỗ/nhựa	Que lấy bệnh phẩm tiệt trùng trong ống	Swab	3005	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd. - Trung Quốc	Cái	1.000
20	VT124P01020	Băng keo lụa y tế	Chất liệu: Vải lụa, phủ keo Acrylic hoặc kẽm oxyd không gây kích ứng da; Kích thước 5cm x 5m	Elasgo 5cmx5m	Elasgo 5cmx5m	3005	Zhejiang Bangli Medical Products Co., Ltd - Trung	Cuộn	1.400
Phần 2. Chỉ khâu y tế (7 mặt hàng)									
1	VT124P02001	Chỉ khâu không tan số 2/0 (Polyamide)	Chỉ đơn sợi polyamide chiều dài ≥ 75cm, kim tam giác dài ≥ 24mm	Chỉ phẫu thuật Sterilon 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm	SFN3393	3006	Peters Surgical India Private Limited-Ấn Độ	Tép	300
2	VT124P02002	Chỉ khâu không tan số 3/0 (Polyamide)	Chỉ đơn sợi polyamide chiều dài ≥ 75cm, kim tam giác dài ≥ 24mm	Chỉ phẫu thuật Sterilon 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm	SFN3365A	3006	Peters Surgical India Private Limited-Ấn Độ	Tép	240
3	VT124P02003	Chỉ khâu không tan số 4/0 (Polyamide)	Chỉ đơn sợi polyamide chiều dài ≥ 75cm, kim tam giác dài ≥ 19mm	Chỉ phẫu thuật Sterilon 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19mm	SFN3311A	3006	Peters Surgical India Private Limited-Ấn Độ	Tép	120
4	VT124P02004	Chỉ khâu tiêu chậm số 1/0 (Polyglactin)	Chỉ đa sợi polyglactin 910 chiều dài ≥ 90cm, kim tròn dài ≥ 40mm	Chỉ phẫu thuật Polycol 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm	SPL2347	3006	Peters Surgical India Private Limited-Ấn Độ	Tép	360
5	VT124P02005	Chỉ khâu tiêu chậm số 2/0 (Polyglactin)	Chỉ đa sợi polyglactin 910 chiều dài ≥ 75cm, kim tròn dài ≥ 26mm	Chỉ phẫu thuật Polycol 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	SPL2043	3006	Peters Surgical India Private Limited-Ấn Độ	Tép	480
6	VT124P02006	Chỉ khâu tiêu chậm số 3/0 (Polyglactin)	Chỉ đa sợi polyglactin 910 chiều dài ≥ 75cm, kim tròn dài ≥ 26mm	Chỉ phẫu thuật Polycol 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	SPL2041A	3006	Peters Surgical India Private Limited-Ấn Độ	Tép	60
7	VT124P02007	Chỉ khâu tiêu tự nhiên số 3/0 (Chrome)	Chỉ đơn sợi có tẩm muối chromic, chiều dài chỉ ≥ 75cm, kim tròn 1/2c, dài ≥ 26mm	Chỉ phẫu thuật Catgut Chromic 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	SFN4045A	3006	Peters Surgical India Private Limited-Ấn Độ	Tép	200
Phần 3. Đinh, nẹp, vít dùng trong phẫu thuật xương (20 mặt hàng)									
1	VT124P03001	Đinh Kirschner đường kính 0,8mm	Chất liệu: Thép không gỉ, có tiện ren 2 đầu	Đinh Kirschner, ren hai đầu, đường kính 0,8mm, dài 300mm	S1404	9021	Shee Hari Surgical/ Ấn độ	Cái	50

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
2	VT124P03002	Đinh Kirschner đường kính 1,2mm	Chất liệu: Thép không gỉ, có tiện ren 2 đầu	Đinh Kirschner, ren hai đầu, đường kính 1,2mm, dài 300mm	S1404	9021	Shee Hari Surgical/ Ấn độ	Cái	50
3	VT124P03003	Đinh Kirschner đường kính 1,6mm	Chất liệu: Thép không gỉ, có tiện ren 2 đầu	Đinh Kirschner, ren hai đầu, đường kính 1,6mm, dài 300mm	S1404	9021	Shee Hari Surgical/ Ấn độ	Cái	30
4	VT124P03004	Đinh Kirschner đường kính 2,2mm	Chất liệu: Thép không gỉ, có tiện ren 2 đầu	Đinh Kirschner, ren hai đầu, đường kính 2.2mm, dài 300mm	S1404	9021	Shee Hari Surgical/ Ấn độ	Cái	30
5	VT124P03005	Đinh Kirschner đường kính 2,5mm	Chất liệu: Thép không gỉ, có tiện ren 2 đầu	Đinh Kirschner, ren hai đầu, đường kính 2.5mm, dài 300mm	S1404	9021	Shee Hari Surgical/ Ấn độ	Cái	30
6	VT124P03006	Nẹp bản hẹp (xương cánh tay, cẳng chân) các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ, số lỗ: 6-8	Nẹp DCP bản hẹp (vừa) - Chất thép	75-1-6, 75-1-7, 75-1-8	9021	Orthon - Pakistan	Cái	90
7	VT124P03007	Nẹp bản nhỏ (xương cẳng tay) các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ, số lỗ: 6-8	Nẹp MC-DCP bản nhỏ - Chất thép	77-1-6, 77-1-7, 77-1-8	9021	Orthon - Pakistan	Cái	100
8	VT124P03008	Nẹp chữ L phải các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ, 6-8 lỗ	Nẹp đỡ chữ L chất liệu thép không gỉ	136-2-6, 136-2-7, 136-2-8	9021	Orthon - Pakistan	Cái	20
9	VT124P03009	Nẹp chữ L trái các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ, 6-8 lỗ	Nẹp đỡ chữ L chất liệu thép không gỉ	136-1-6, 136-1-7, 136-1-8	9021	Orthon - Pakistan	Cái	20
10	VT124P03010	Nẹp lòng máng 1/2	Chất liệu: Thép không gỉ, 5-7 lỗ, vít 3,5mm	Nẹp 1/3 lòng máng xương cẳng tay, 3.5mm	S501	9021	Shee Hari Surgical/ Ấn độ	Cái	20
11	VT124P03011	Nẹp lòng máng 1/3	Chất liệu: Thép không gỉ, 5-7 lỗ, vít 3,5mm	Nẹp 1/3 lòng máng xương cẳng tay, 3.5mm	S501	9021	Shee Hari Surgical/ Ấn độ	Cái	20
12	VT124P03012	Vít xương cứng 3,5mm x 16mm	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 3,5mm, dài 16mm±1mm	Vít xương cứng 3.5mm bước ren 1.75 chất liệu thép không gỉ	35-8-3-16	9021	Orthon - Pakistan	Cái	50
13	VT124P03013	Vít xương cứng 3,5mm x 20mm	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 3,5mm, dài 20mm±1mm	Vít xương cứng 3.5mm bước ren 1.75 chất liệu thép không gỉ	35-8-3-20	9021	Orthon - Pakistan	Cái	50

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
14	VT124P03014	Vít xương cứng 3,5mm x 26mm	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 3,5mm, dài 26mm±1mm	Vít xương cứng 3.5mm bước ren 1.75 chất liệu thép không gỉ	35-8-3-26	9021	Orthon - Pakistan	Cái	50
15	VT124P03015	Vít xương cứng 3,5mm x 30mm	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 3,5mm, dài 30mm±1mm	Vít xương cứng 3.5mm bước ren 1.75 chất liệu thép không gỉ	35-8-3-30	9021	Orthon - Pakistan	Cái	50
16	VT124P03016	Vít xương cứng 4,5mm x 26mm	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 4,5mm, dài 26mm±1mm	Vít xương cứng 4.5mm đường kính ren 1.75 chất liệu thép không gỉ	45-1-1-26	9021	Orthon - Pakistan	Cái	50
17	VT124P03017	Vít xương cứng 4,5mm x 30mm	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 4,5mm, dài 30mm±1mm	Vít xương cứng 4.5mm đường kính ren 1.75 chất liệu thép không gỉ	45-1-1-30	9021	Orthon - Pakistan	Cái	50
18	VT124P03018	Vít xương cứng 4,5mm x 36mm	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 4,5mm, dài 36mm±1mm	Vít xương cứng 4.5mm đường kính ren 1.75 chất liệu thép không gỉ	45-1-1-36	9021	Orthon - Pakistan	Cái	50
19	VT124P03019	Vít xương cứng 4,5mm x 40mm	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 4,5mm, dài 40mm±1mm	Vít xương cứng 4.5mm đường kính ren 1.75 chất liệu thép không gỉ	45-1-1-40	9021	Orthon - Pakistan	Cái	50
20	VT124P03020	Vít xương cứng các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 2,7mm±1mm	Vít cứng 2.7mm	27-6-1-14, 27-6-1-16, 27-6-1-18, 27-6-1-20	9021	Orthon - Pakistan	Cái	200
Phần 4. Dây truyền, dây dẫn, ống dẫn lưu, ống hút, ống thông, ống nghiệm, vật tư xét nghiệm (24 mặt hàng)									
1	VT124P04001	Dây nối dài dùng trong truyền dịch, bơm thuốc	Chất liệu dây: PVC không chứa DEHP, chiều dài ≥ 140cm, có đầu nối luer lock	Dây nối áp lực thấp-Extension Line Low Pressure	13187	9018	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Cái	150
2	VT124P04002	Dây truyền dịch + kim cánh bướm	Chiều dài dây ≥ 150cm, có kim 2 cánh bướm kèm theo dây, không chứa DEHP, không có chất gây	Bộ dây truyền dịch	Hanomed	9018	Tanaphar - Việt Nam	Bộ	8,400
3	VT124P04003	Dây truyền máu	Chiều dài dây ≥ 150cm, màng lọc tiểu phân khoảng 200µm, Chất liệu dây: PVC, không chứa DEHP, không có chất gây sốt.	Dây truyền máu	GT035-100	9018	Greetmed - Trung Quốc	Bộ	300
4	VT124P04004	Bộ rửa dạ dày	Chất liệu: Mủ cao su tự nhiên, kích cỡ 28mm và 22mm	Bộ rửa dạ dày		9018	Greetmed - Trung Quốc	Bộ	50

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
5	VT124P04005	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn	Chất liệu: PVC, chiều dài dây dẫn ≥ 2m	Dây thở oxy MPV (Người lớn)	DTONL: MPV	9018	Công ty cổ phần Nhựa Y tế Việt Nam (MPV) - Việt	Cái	1,400
6	VT124P04006	Dây thở oxy 2 nhánh trẻ em	Chất liệu: PVC, chiều dài dây dẫn ≥ 2m	Dây thở oxy MPV (Trẻ em)	DTOTE: MPV	9018	Công ty cổ phần Nhựa Y tế Việt Nam (MPV) - Việt	Cái	240
7	VT124P04007	Ống thông tiểu 1 nhánh số 8	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 8	Ống thông tiểu 1 nhánh	Foley Catheter	9018	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd. - Trung Quốc	Sợi	30
8	VT124P04008	Ống thông tiểu 1 nhánh số 16	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 16	Ống thông tiểu 1 nhánh	Foley Catheter	9018	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd. - Trung Quốc	Sợi	30
9	VT124P04009	Ống thông tiểu 1 nhánh số 18	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 18	Ống thông tiểu 1 nhánh	Foley Catheter	9018	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd. - Trung Quốc	Sợi	60
10	VT124P04010	Ống thông tiểu 2 nhánh số 14	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 14	Ống thông tiểu 2 nhánh 14Fr (30ml)		9018	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd. - Trung Quốc	Sợi	150
11	VT124P04011	Ống thông tiểu 2 nhánh số 16	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 16	Ống thông tiểu 2 nhánh 16Fr (30ml)		9018	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd. - Trung Quốc	Sợi	240

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
12	VT124P04012	Ống thông tiểu 2 nhánh số 18	Chất liệu: Cao su tự nhiên có phủ silicone, cỡ số 18	Ống thông tiểu 2 nhánh 18Fr (30ml)		9018	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd. - Trung Quốc	Sợi	100
13	VT124P04013	Ống thông dạ dày số 16	Chất liệu: nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP; cỡ số 16; chiều dài ≥ 50cm; tiệt trùng.	Ống thông dạ dày số 16		9018	Suzhou Yudu Medical Co., Ltd. - Trung Quốc	Cái	100
14	VT124P04014	Ống thông dạ dày số 18	Chất liệu: nhựa PVC, trong suốt, không chứa DEHP; cỡ số 18; chiều dài ≥ 50cm; tiệt trùng.	Ống thông dạ dày số 18		9018	Suzhou Yudu Medical Co., Ltd. - Trung Quốc	Cái	80
15	VT124P04015	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Dùng để đặt nội khí quản qua đường miệng hoặc mũi, để hỗ trợ quá trình thông khí trực tiếp và liên tục để cung cấp không khí hoặc khí gây mê đến và đi từ phổi của bệnh nhân.	Ống thông nội khí quản có bóng		9018	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd. - Trung Quốc	Cái	130
16	VT124P04016	Dây hút đờm số 8	Chất liệu: nhựa PVC, màu sắc trong suốt, tiệt trùng.	Dây hút đàm số 8		9018	Ningbo Great Mountain Medical Instruments Co.,Ltd - Trung Quốc	Cái	300
17	VT124P04017	Dây hút đờm số 16	Chất liệu: nhựa PVC, màu sắc trong suốt, tiệt trùng.	Dây hút đàm số 16		9018	Ningbo Great Mountain Medical Instruments Co.,Ltd - Trung Quốc	Cái	60
18	VT124P04018	Dây hút đờm số 18	Chất liệu: nhựa PVC, màu sắc trong suốt, tiệt trùng.	Dây hút nhớt có khóa		9018	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd. - Trung Quốc	Cái	50
19	VT124P04019	Đầu col xanh 1000µl	Chất liệu: Nhựa PP, không lọc	Típ đầu col xét nghiệm (Đầu col xanh)		3926	Hồng Thiện Mỹ - Việt Nam	Cái	30,000

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
20	VT124P04020	Đầu col vàng 200µl	Chất liệu: Nhựa PP, không lọc	Típ đầu col xét nghiệm (Đầu col vàng)		3926	Hồng Thiện Mỹ - Việt Nam	Cái	6,000
21	VT124P04021	Ống nghiệm Edta K2	Ống nhựa PP, thể tích 2ml	Ống nghiệm EDTA K2 VMA 2ml		3926	Hồng Thiện Mỹ - Việt Nam	Cái	24,000
22	VT124P04022	Ống nghiệm Edta K2	Ống nhựa PP, thể tích 2ml, có nắp cao su, mous thấp	Ống nghiệm EDTA K2 2ml nắp cao su		3926	Hồng Thiện Mỹ - Việt Nam	Cái	24,000
23	VT124P04023	Ống nghiệm Heparin	Ống nhựa PP, thể tích 1ml	Ống nghiệm Heparin VMA 2ml		3926	Hồng Thiện Mỹ - Việt Nam	Cái	30,000
24	VT124P04024	Ống nghiệm trắng có nắp	Ống nhựa PS, thể tích 5ml	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5 ml HTM		3926	Hồng Thiện Mỹ - Việt Nam	Cái	2,000
Phần 5. Dung dịch, vật tư sát khuẩn (9 mặt hàng)									
1	VT124P05001	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Thành phần: 0,55% Ortho-Phthalaldehyde, dung tích ≥ 3,78 lít/can	MEGASEPT OPA	MF238050	3808	Lavitec - Việt Nam	Can	20
2	VT124P05002	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Thành phần chính: Chlorhexidine 4%, dung tích: 500ml/chai	THA 4		3808	Tân Hương - Việt Nam	Chai	20
3	VT124P05003	Dung dịch rửa tay sát khuẩn 500ml	Thành phần chính: Chlorhexidine 0,5%, dung tích: 500ml/chai	THA HANDRUB		3808	Tân Hương - Việt Nam	Chai	50
4	VT124P05004	Dung dịch rửa tay sát khuẩn 1000ml	Thành phần chính: Chlorhexidine 0,5%, dung tích: 1000ml/chai	THA HANDRUB		3808	Tân Hương - Việt Nam	Chai	30
5	VT124P05005	Dung dịch rửa tay sát khuẩn Chlorhexidine	Thành phần chính: Chlorhexidine 2%, dung tích: 500ml/chai	THA 2		3808	Tân Hương - Việt Nam	Chai	30
6	VT124P05006	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế	Thành phần chính: 5% Protease Enzyme, dung tích: ≥ 5 lít/can	THA ENZYME 1E		3808	Tân Hương - Việt Nam	Can	6
7	VT124P05007	Gel siêu âm	Gel tan trong nước, trong suốt, không màu hoặc màu xanh, độ pH 6,5 ± 0,75. Không gây rát da, không gây mẫn cảm, dễ rửa bằng nước. Không mùi, không chứa chất ăn mòn, không chứa muối. Thể tích ≥ 5 lít/ đơn vị đóng gói.	Gel siêu âm	GSA	3006	Merufa - Việt Nam	Can	60
8	VT124P05008	Gel bôi trơn	Gel tan trong nước, trong suốt, không màu, không mùi, không gây kích ứng da, độ pH 5 ± 0,50.. Đóng gói: ≥ 50gr/ đơn vị đóng gói.	Gel bôi trơn	GBT	3006	Merufa - Việt Nam	Tuýp	24
9	VT124P05009	Viên khử khuẩn	Thành phần chính: Chứa 2,5gr Natri diclorocyanurat hoặc Natri Dichloroisocyanurate	Germisept	Germisept	3808	HOVID BERHAD - Malaysia	Viên	6,000

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
Phần 6. Găng tay, khẩu trang, nón phẫu thuật (7 mặt hàng)									
1	VT124P06001	Găng khám có bột cỡ M	Kích cỡ: cỡ M; Chiều dài: ≥ 240mm; Chiều dày 1 lớp: ≥ 0,08mm. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính.	Găng kiểm tra dùng trong y tế	GKT	4015	Merufa - Việt Nam	Đôi	24,000
2	VT124P06002	Găng khám có bột cỡ S	Kích cỡ: cỡ S; Chiều dài: ≥ 240mm; Chiều dày 1 lớp: ≥ 0,08mm. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính.	Găng kiểm tra dùng trong y tế	GKT	4015	Merufa - Việt Nam	Đôi	84,000
3	VT124P06003	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 6,5	Kích cỡ: số 6,5; Chiều dài: ≥ 280mm±5mm; Chiều dày 1 lớp: ≥ 0,15mm±0,03mm. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, được tiệt trùng bằng khí	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	GPT	4015	Merufa - Việt Nam	Đôi	15,000
4	VT124P06004	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 7	Kích cỡ: số 7,0; Chiều dài: ≥ 280mm±5mm; Chiều dày 1 lớp: ≥ 0,15mm±0,03mm. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, được tiệt trùng bằng khí	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	GPT	4015	Merufa - Việt Nam	Đôi	16,000
5	VT124P06005	Găng phẫu thuật cổ tay dài	Chiều dài: ≥ 450mm±5mm; Chiều dày 1 lớp: ≥ 0,15mm±0,03mm. Chất liệu từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, được tiệt trùng bằng khí	Găng phẫu thuật (cổ tay dài) tiệt trùng	GPTCTD	4015	Merufa - Việt Nam	Đôi	400
6	VT124P06006	Khẩu trang y tế	≥ 3 lớp, tiệt trùng, dây đeo thun, đóng túi riêng	Khẩu trang y tế	VIETRUE	6307	Phú Toàn Quảng Nam -	Cái	12,000
7	VT124P06007	Mũ phẫu thuật nữ	Chất liệu: làm từ vải không dệt, đóng túi riêng và được tiệt trùng	Bao tóc		9018	An Lành - Việt Nam	Cái	3,600
Phần 7. Kim tiêm, gây tê, châm cứu (9 mặt hàng)									
1	VT124P07001	Kim châm cứu dùng một lần số 3	Thân kim bằng thép không gỉ, tiệt trùng. Kích cỡ 0,3 x 40mm	Kim châm cứu (Sterile Acupuncture needles)	0,3 x 40mm	9018	Wujiang Jiachen Acupuncture Devices Co.,	Cái	156,000
2	VT124P07002	Kim châm cứu dùng một lần số 2	Thân kim bằng thép không gỉ, tiệt trùng. Kích cỡ 0,3 x 35mm	Kim châm cứu (Sterile Acupuncture needles)	0,3 x 25mm	9018	Wujiang Jiachen Acupuncture Devices Co.,	Cái	120,000
3	VT124P07003	Kim chọc dò, gây tê tủy sống 25G	Cỡ kim 25G, đầu kim quincke	Kim chọc dò tủy sống Spinal needle 25G	20928	9018	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Cái	360

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
4	VT124P07004	Kim chọc dò, gây tê tủy sống 27G	Cỡ kim 27G, đầu kim quincke	Kim chọc dò tủy sống Spinal needle 27G	20930	9018	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Cái	120
5	VT124P07005	Kim gây tê đám rối thần kinh	Kích cỡ: 22G x 2" (0,70 x 50 mm)	STIMUPLEX A, 30 DEG, 22GX2", 0.70X50MM	4894502	9018	Hakko Co., Ltd - Nhật Bản	Cái	120
6	VT124P07006	Kim luồn tĩnh mạch 20G	Chất liệu: PTFE/ FEP, cỡ kim 20G, đầu kim có vát sắc bén, cathether nhựa, có vạch cản quang, kim luồn có cánh, có cửa. Có khả năng lưu kim ≥	Kim luồn tĩnh mạch-Polyflon	10006	9018	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Cái	600
7	VT124P07007	Kim luồn tĩnh mạch 22G	Chất liệu: PTFE/ FEP, cỡ kim 22G, đầu kim có vát sắc bén, cathether nhựa, có vạch cản quang, kim luồn có cánh, có cửa. Có khả năng lưu kim ≥	Kim luồn tĩnh mạch-Polyflon	10007	9018	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Cái	2,000
8	VT124P07008	Kim luồn tĩnh mạch 24G	Chất liệu: PTFE/ FEP, cỡ kim 24G, đầu kim có vát sắc bén, cathether nhựa, có vạch cản quang, kim luồn có cánh, không cửa. Có khả năng lưu	Kim luồn tĩnh mạch-Polyneo Ada 24G	12240	9018	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Cái	8,000
9	VT124P07009	Kim tiêm 18G	Kim tiêm làm bằng thép không gỉ, đầu kim cỡ 18G, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ đầu kim, không chứa tạp chất bên trong.	Lancet tay	GT042-200	9018	Taizhou Kangjian Medical Equipments Co., Ltd - Trung	Cây	40,000
Phần 8. Vật tư khác (18 mặt hàng)									
1	VT124P08001	Định lại nhóm máu tại giường	Gói/ Túi/ Hộp gồm 2 test dùng để xét nghiệm nhóm máu A, B, O,... tại giường bệnh xác nhận sự tương thích nhóm máu.	SERAFOL ABO	Serafol ABO	3006	Sifin Diagnostics GmbH - Đức	Gói/ Túi/ Hộp	400
2	VT124P08002	Đồng hồ oxy	Sản phẩm gồm: Đồng hồ đo lượng oxy trong bình, cột đo lưu lượng khí oxy ra, bình tạo ẩm khí oxy, dây thở.	Đồng hồ oxy	JM8402		Ningbo Jmao Medical Equipment Co., Ltd -Trung	Bộ	20
3	VT124P08003	Đè lưỡi gỗ	Chất liệu: gỗ, tiệt trùng	Que đè lưỡi gỗ Tanaphar	ĐLG.TNP		Tanaphar - Việt Nam	Cái	60,000
4	VT124P08004	Giấy in máy điện tim 6 cần 112mm	Giấy sọc lưới, kích thước 112mm x ≥ 27m	Giấy điện tim 6 cần	112mm x 27m	4823	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd-Trung Quốc	Cuộn	200
5	VT124P08005	Giấy in máy điện tim 6 cần 110mm x 140mm	Giấy trắng không sọc, kích thước 110mm x 140mm, ≥ 143 tờ/ xấp.	Giấy điện tim 6 cần	110mm x 140mm x 200sh	4823	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd-Trung Quốc	Xấp	200

STT	Mã số	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hãng - Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng
6	VT124P08006	Giấy điện tim 12 cần 215mm	Giấy sọc lưới, kích thước 215mm x ≥ 30m	Giấy điện tim 12 cần	215mm x 30m	4823	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd-Trung Quốc	Cuộn	120
7	VT124P08007	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần số 10	Chất liệu lưỡi dao: Thép không gỉ/ Thép carbon không gỉ	Dao mổ	10#	9018	Huaian Helen Medical Instrument Co., Ltd - Trung	Cái	1,000
8	VT124P08008	Lưỡi dao mổ sử dụng một lần số 11	Chất liệu lưỡi dao: Thép không gỉ/ Thép carbon không gỉ	Dao mổ	11#	9018	Huaian Helen Medical Instrument Co., Ltd - Trung	Cái	200
9	VT124P08009	Miếng dán điện cực tim	Cảm biến Ag/AgCl, chất kết dính Hydro-gel	Điện cực tim (T716)	T716	9018	Bio Protech Inc. - Trung Quốc	Cái	600
10	VT124P08010	Tấm lót sản khoa	Kích thước: ≥ 40cm x ≥ 60cm	Tấm lót y tế (tấm lót sản) 40 *60 cm	NM 19	9018	Nhật Minh-Việt Nam	Cái	1,200
11	VT124P08011	Kẹp rốn	Chất liệu: nhựa PP, tiệt trùng	Kẹp rốn	KR.TNP	9018	Tanaphar - Việt Nam	Cái	1,200
12	VT124P08012	Túi đo lượng máu sau sinh	Chất liệu: nhựa PE, dung tích ≥ 2000ml	Túi đo lượng máu sau sinh	NM00	3926	Nhật Minh-Việt Nam	Cái	1,200
13	VT124P08013	Túi đựng nước tiểu	Dung tích 2000ml, tiệt trùng	Túi đựng nước tiểu	TNT	3926	MPV - Việt Nam	Cái	600
14	VT124P08014	Lam kính nhám	Lam nhám, kích thước: 25,4 x 76,2 mm, Dày 1-1,2 mm. Hộp ≥ 72 miếng	Lam kính 7105	7105	9018	Greetmed - Trung Quốc	Hộp	20
15	VT124P08015	Lam kính trơn	Lam trơn, kích thước: 25,4 x 76,2 mm, Dày 1-1,2 mm. Hộp ≥ 72 miếng	Lam kính 7102	7102	9018	Greetmed - Trung Quốc	Hộp	20
16	VT124P08016	Huyết áp ống nghe (người lớn + trẻ em)	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg. Độ chính xác ± 3mmHg, có kiểm định.	Máy đo huyết áp người lớn	No.500	9018	Kenzmedico Co., Ltd - Nhật Bản	Bộ	50
17	VT124P08017	Ampu bóp bóng giúp thở trẻ em	Chất liệu: nhựa PVC	Ampu bóp bóng giúp thở trẻ em	GT012-300C	9020	Greetmed - Trung Quốc	Cái	10
18	VT124P08018	Ampu bóp bóng giúp thở người lớn	Chất liệu: nhựa PVC	Ampu bóp bóng giúp thở người lớn	GT012-300C	9020	Greetmed - Trung Quốc	Cái	20
			Tổng cộng 114 mặt hàng						